

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2018.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Đặng Thị Thanh Thảo.

Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 18/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 506/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2017 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trương Thị Bé B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A, tổ y, ấp C, xã Mỹ T, TPCL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Văn Đ (T), sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà B, tổ Y, ấp C, xã Mỹ T, TPCL, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị Bé B và anh Đ có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Bé B trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Bé B và anh Trần Văn Đ (T) chung sống như vợ chồng từ năm 2011, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chị Bé B và anh Đ chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013, chị Bé B và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, anh Đ thường xuyên chửi mắng và đánh đập chị Bé B.

Chị Bé B và anh Đ không sống chung từ năm 2015 đến nay. Khoảng thời gian không sống chung, anh Đ thường xuyên đến nhà của chị Bé B chửi mắng chị Bé B. Nay chị Bé B yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Đ (T).

Con chung: Chị Bé B và anh Đ có 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 02/10/2012. Khi chị Bé B viết đơn khởi kiện, con chung đang sống chung với anh Đ nhưng hiện nay con chung đang sống với chị Bé B. Sau khi ly hôn, chị Bé B yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn Đ (T) trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Đ (T) thống nhất lời trình bày của chị Bé B về thời gian chung sống và thời gian phát sinh mâu thuẫn nhưng anh Đ không thống nhất nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị Bé B trình bày, anh và chị có nhiều nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng anh Đ không trình bày tại phiên tòa. Anh Đ không còn thương chị Bé B nhưng vì thương con nên anh Đ mong muốn chị Bé B và anh cùng sống chung để lo cho con. Nay anh Trần Văn Đ (T) không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Bé B.

Con chung: Chị Bé B và anh Đ có 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 02/10/2012, hiện con chung đang sống chung với chị Bé B. Sau khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao con chung cho chị Bé B trực tiếp nuôi, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Trương Thị Bé B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Trần Văn Đ có địa chỉ tại xã Mỹ T, TPCL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Trương Thị Bé B và anh Trần Văn Đ được xác lập vào năm 2011, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem

xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Trương Thị Bé B và anh Trần Văn Đ để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của anh chị.

[3] Xét con chung: Trương Thị Bé B và anh Trần Văn Đ có 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 02/10/2012, hiện con chung đang sống chung với chị Bé B. Tại phiên tòa, chị Bé B và anh Đ thống nhất thỏa thuận: Tiếp tục giao con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 02/10/2012 cho chị Bé B trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống với chị Bé B. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của chị Bé B và anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bé B không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét tài sản chung và nợ chung: Chị Bé B và anh Đ thống nhất anh, chị không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Bé B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Trương Thị Bé B và anh Trần Văn Đ (T).

Con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Trương Thị Bé B và anh Trần Văn Đ, tiếp tục giao con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 02/10/2012 cho chị Bé B trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống với chị Bé B.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Trương Thị Bé B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00160 ngày 30/10/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, như vậy chị Bé B đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị Bé B và anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Cẩm Trinh**